

# VÀI Ý KIẾN VỀ XÂY DỰNG ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU THUỘC CÁC NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Ngô Văn Lệ

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn  
Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*

## TÓM TẮT

*Giáo dục đại học ở Việt Nam đang nỗ lực đổi mới căn bản và toàn diện hướng tới xây dựng các đại học có trình độ cao trong so sánh với các đại học quốc tế và khu vực. Một trong những mục tiêu cần hướng tới là xây dựng các đại học định hướng nghiên cứu. Bài viết của chúng tôi trình bày một số ý kiến liên quan đến xây dựng đại học nghiên cứu thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn; cùng với công việc xây dựng đại học nghiên cứu là xây dựng chương trình đào tạo tương thích. Chúng tôi không đề cập tới các khái niệm, tiêu chí của một đại học định hướng nghiên cứu thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn, mà chỉ nêu lên một số vấn đề đặt ra để có thể xây dựng mô hình đại học định hướng nghiên cứu đích thực, góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.*

**Từ khóa:** *đại học, khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu*

\*

Giáo dục đại học Việt Nam ra đời cho đến nay đã hơn một trăm năm. Trong quá trình hình thành và phát triển, từ một trường đại học ở Hà Nội (Đại học Đông Dương), nay đã có cả hệ thống giáo dục đại học với hơn 400 trường phân bố đều trên phạm vi cả nước. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại mùa xuân năm 1975, non sông thu về một mối, cả nước bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới từng bước đi lên.

Ngày nay, xu thế chung của quá trình toàn cầu hóa hội nhập và phát triển đặt ra một loạt câu hỏi cần phải được trả lời một cách minh bạch và công khai. Như làm thế

nào chúng ta hội nhập và phát triển mà không làm mất đi bản sắc văn hóa dân tộc? Hay giữa phát triển và công bằng xã hội, không chỉ công bằng trong lĩnh vực kinh tế mà còn công bằng trong lĩnh vực văn hóa chính trị. Các trường đại học có vai trò gì trong việc góp phần trả lời các câu hỏi đó? Đại học định hướng nghiên cứu – mô hình và chiến lược phát triển sẽ bao gồm những nội dung gì? Bài viết của chúng tôi không trình bày về những vấn đề có liên quan đến các khái niệm, các tiêu chí của một đại học định hướng nghiên cứu mà trình bày một số ý kiến xung quanh vấn đề xây dựng đại học định hướng nghiên cứu thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn từ xu hướng chung của giáo dục đại học thế giới, trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và đào tạo

nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Cho đến nay, công bằng mà nói, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã có sự chuyển biến rõ rệt. Tuy nhiên, quá trình hội nhập khu vực và quốc tế đã cho thấy, mặc dù chúng ta đã đạt được những thành tựu đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nhưng cũng còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn vẫn còn tồn tại hiện tượng tách rời, thiếu gắn kết giữa giảng dạy và nghiên cứu, giữa các trường đại học và viện nghiên cứu, giữa giảng dạy và nghiên cứu với ứng dụng thực tiễn... Sự thiếu gắn kết giữa nghiên cứu và giảng dạy là một vấn đề nổi cộm trong phát triển giáo dục đại học Việt Nam. Do hệ thống giáo dục đại học và hệ thống nghiên cứu Việt Nam được xây dựng theo mô hình của Liên Xô trước đây, tuy có những mặt tích cực (hình thành những đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu), nhưng cũng bộc lộ hạn chế là thiếu sự gắn kết giữa giảng dạy và nghiên cứu. Quá trình phát triển của hệ thống giáo dục đào tạo và nghiên cứu trong nhiều năm qua đã bộc lộ những hạn chế nhưng sửa chữa để phát triển hài hòa lại không làm được. Đã có lúc các nhà quản lý muốn tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học và hệ thống nghiên cứu để có thể kết nối lại với nhau nhưng bất thành. Ngày nay, khi giáo dục đại học ngày một hội nhập sâu vào hệ thống giáo dục đại học thế giới, thì những bất cập do thiếu sự kết gắn giữa đào tạo và nghiên cứu lại càng rõ nét hơn. Các đại học muốn phát triển không chỉ thuần túy giảng dạy trong phạm vi nhà trường, mà phải vươn ra ngoài xã hội. Muốn làm được điều đó, thì việc

nghiên cứu khoa học phải được coi là một nhiệm vụ trọng tâm của một trường đại học. Tuy nhiên, trong nhà trường công việc chính của một giáo viên là giảng dạy, phải làm sao bảo đảm đủ giờ chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nghiên cứu khoa học, một phần không phải là công việc bắt buộc, mặt khác thu nhập không cao so với thù lao cho giờ lên lớp, cũng không phải là nhu cầu thiết yếu của một giảng viên. Nghiên cứu khoa học lại có những rủi ro như quá hạn và bị ràng buộc bởi nhiều lý do khác. Trong trường học không thấy không khí học thuật, bởi thông thường chỉ có khoảng trên dưới 20% giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học. Cán bộ trẻ ít hào hứng tham gia nghiên cứu khoa học. Đội ngũ hoạt động trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn cũng là một vấn đề. Trong những năm qua số lượng có trình độ trên đại học tăng, nhưng nhìn chung tỷ lệ này còn thấp, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của đất nước trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (nhiều trường đại học dân lập ra đời có đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn nhưng lại thiếu giáo viên cơ hữu, nên đã thu hút đội ngũ giảng viên của các trường quốc lập). Số lượng cán bộ thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn đã ít lại bị chi phối bởi những tác động của cơ chế thị trường, làm cho hiệu quả công tác chưa cao (một giáo viên dạy nhiều môn, dạy nhiều cơ sở), đó là chưa kể đến một số người phấn đấu có mảnh bằng để chuyển sang lĩnh vực công tác khác.

Đội ngũ cán bộ khoa học xã hội và nhân văn bao gồm các cán bộ công tác tại các viện nghiên cứu và làm công tác giảng dạy tại các trường đại học đang có xu hướng

lão hóa. Trong một thời gian dài (những năm 80 – 90 của thế kỷ XX), thực hiện chủ trương giảm biên chế, các đơn vị nghiên cứu cũng như các trường đại học không được tuyển dụng thêm. Mặt khác, ngày càng ít sinh viên và trí thức trẻ có điều kiện và sự ham mê công tác khoa học và giảng dạy đại học, đây là công việc quá lao tâm khổ tứ mà thu nhập không cao. Với mức lương bình quân của cán bộ trẻ mới ra trường khoảng trên dưới 3 triệu đồng (hệ số 2,34 x 1.150.000đ = 2.691.000đ/tháng), ngoài ra có thêm thu nhập khác nhưng không đáng kể. Nếu không có công việc làm thêm khó có thể bảo đảm cuộc sống sinh hoạt bình thường, chưa nói đến các phương tiện học tập, nghiên cứu, chăm lo cho gia đình. Trong khi đó, nếu đi làm cho các công ty liên doanh, hay cho một cơ sở sản xuất sẽ có thu nhập cao hơn nhiều lần. Bởi vậy, các sinh viên giỏi không muốn làm việc ở các viện nghiên cứu hay làm công tác giảng dạy tại các trường. Do không bổ sung được đội ngũ thường xuyên, trong khi số cán bộ đến tuổi về hưu ngày càng tăng theo thời gian, làm cho đội ngũ đầu đàn của các ngành ngày càng có xu hướng giảm. Các viện và các trường ở Hà Nội là nơi tập trung đông đảo đội ngũ các nhà khoa học đầu đàn nhưng độ tuổi khá cao. Còn ở các tỉnh phía Nam, mà cụ thể ở thành phố Hồ Chí Minh – nơi tập trung hầu hết các viện nghiên cứu cũng như các trường đại học có đào tạo và nghiên cứu các ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn, tình hình cũng không khả quan hơn. Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ có nhiều trung tâm nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn với trên 100 cán bộ, nhưng có chưa tới 10 giáo sư, phó giáo sư.

Còn tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, nơi được coi là một trong hai cơ sở đào tạo hàng đầu của cả nước về các ngành khoa học xã hội và nhân văn với trên 600 cán bộ giảng dạy, cũng chỉ có chưa tới 40 giáo sư và phó giáo sư. Một con số cực kỳ khiêm tốn khi chúng ta nói đến xây dựng đại học định hướng nghiên cứu trong bối cảnh hiện nay. Với số lượng giáo sư, phó giáo sư ít ỏi này thì bình quân gần 2 bộ môn có 1 giáo sư hoặc 1 phó giáo sư. Những năm sau giải phóng, nhiều giáo sư danh tiếng đã về công tác tại các khoa thuộc ngành khoa học xã hội và nhân văn, Trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, nhưng trong số đó, người đã mất, người nghỉ hưu, bổ sung mãi hiện nay toàn trường chỉ có 3 giáo sư. Một con số thật khiêm tốn so với trên 600 cán bộ giảng dạy của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Một vấn đề khác cũng đang đặt ra cho các nhà quản lý ở các viện nghiên cứu cũng như ở các trường đại học, nhất là các ngành khoa học xã hội và nhân văn, là số cán bộ có trình độ cao đã ít lại nhiều tuổi. Cho đến nay, rất ít những cán bộ hoạt động trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn được phong chức danh giáo sư trước tuổi 50. Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở các viện và ở các trường đã ít về số lượng, lại phần lớn đã và sắp hết tuổi quản lý. Còn đội ngũ cán bộ trẻ dưới 40 tuổi tuy rất năng động nhưng trình độ chuyên môn nghiệp vụ lại thấp so với yêu cầu đổi mới và củng cố hệ thống giảng dạy và nghiên cứu các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Rõ ràng, để cho khoa học

xã hội và nhân văn có thể phát triển, đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc chăm lo xây dựng đội ngũ là một trong những nội dung trọng tâm cần sớm được giải quyết. Cùng với việc đầu tư xây dựng đội ngũ thì chính sách đãi ngộ cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Mặc dù, những vấn đề lớn có liên quan đến khoa học và công nghệ cũng như các hoạt động khoa học công nghệ đã được các Nghị quyết của Đảng và Nghị định của Chính phủ đề cập đến, nhưng việc tổ chức triển khai thực hiện còn chậm trễ, không đồng bộ. Mặt khác, việc sắp xếp mạng lưới các cơ quan nghiên cứu còn bất cập cũng như việc mở các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tuy nhiều nhưng tản mạn. Các cơ quan nghiên cứu cùng một đối tượng nhưng lại chịu sự quản lý của các cơ quan khác nhau, làm cho việc huy động lực lượng các nhà khoa học đầu ngành vốn đã không nhiều càng thêm khó khăn. Trong thực tế chúng ta chưa có một chế độ chính sách thật hiệu quả khuyến khích huy động, động viên những người làm công tác khoa học xã hội và nhân văn, kể cả giảng dạy và nghiên cứu, yên tâm và cống hiến hết sức mình cho công việc mà mình theo đuổi. Sản phẩm của khoa học xã hội và nhân văn thường không mang đến hiệu quả kinh tế nhanh chóng, tức thời như khoa học – kỹ thuật và công nghệ. Trong khi đó, thời gian và công sức, trí tuệ của các nhà khoa học bỏ ra đầu tư cho các sản phẩm khoa học xã hội và nhân văn rất lớn, nhiều khi cả cuộc đời. Vì vậy, việc đánh giá, đãi ngộ đối với những người làm công tác khoa học xã hội và nhân văn cùng sản phẩm của họ phải chú ý thích đáng đến tính đặc thù của ngành, ngay cả việc công nhận chức danh

khoa học, công nhận học vị hoặc chế độ về hưu. Ở phương diện này, nếu trong khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, người ta có thể thành công rất sớm từ tuổi 30, thậm chí ở tuổi 20, thì “độ chín” của các nhà khoa học xã hội và nhân văn thường muộn hơn khá nhiều – ở tuổi 40 hoặc 50.

Như vậy, có thể thấy tính đặc thù của khoa học xã hội và nhân văn so với các lĩnh vực hoạt động khoa học khác. Tuy chính sách khoa học – công nghệ của Nhà nước là chính sách chung cho mọi hoạt động khoa học – công nghệ, không phân biệt lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn hay khoa học kỹ thuật, nhưng phải thấy được tính đặc thù của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để có cái nhìn thấu đáo hơn.

Ai cũng biết, muốn giảng dạy tốt thì trước hết phải làm công tác nghiên cứu. Nhưng với số lượng cán bộ có trình độ cao không nhiều, lại phải tham gia giảng dạy không chỉ trong phạm vi của trường, mà còn ở các cơ sở khác, làm cho cán bộ giảng dạy chỉ giành thời gian lên lớp, không chú ý hoặc không quan tâm đến nghiên cứu khoa học. Một bộ phận không nhỏ giảng viên chỉ lo giảng dạy cho đủ giờ, vượt giờ, không quan tâm đến nghiên cứu khoa học. Đây thực sự là căn bệnh “trăm kha” cần phải “sửa chữa” khi bắt đầu suy nghĩ về một đại học nghiên cứu. Một tình trạng thiếu gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu tồn tại trong nhiều năm đã làm suy yếu cả đào tạo và nghiên cứu khoa học. Phải xây dựng đại học định hướng nghiên cứu, nếu không chúng ta sẽ còn lãng phí nhiều. Nhưng sẽ bắt đầu từ đâu? Một câu hỏi không dễ có câu trả lời. Vì nhu cầu xã hội và cũng có thể do bắt buộc phải có giờ

giảng nên các viện nghiên cứu đã bắt đầu củng cố lại hệ thống đào tạo của mình (như Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đã hình thành Học viện Khoa học Xã hội, tập trung các cơ sở đào tạo tại các viện nhỏ về viện lớn). Để xây dựng đại học định hướng nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải lưu ý đến một số vấn đề sau:

*Thứ nhất, về phương diện nhận thức*

Trong điều kiện hiện nay cũng như qua các văn kiện của Đảng, khoa học xã hội và nhân văn ngày càng khẳng định vai trò và vị trí trong các ngành khoa học ở nước ta. Quyết định của Chính phủ (số 343/TTg ngày 23/5/1997) về xây dựng *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020* đã khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ, trong đó có khoa học xã hội và nhân văn, vừa là biện pháp để thực hiện các mục tiêu kinh tế, vừa đồng thời tạo ra các tiền đề tiềm lực khoa học và công nghệ cho phát triển dài hạn của đất nước”. Khoa học xã hội và nhân văn trong quá trình hình thành và phát triển có những mục tiêu riêng để phục vụ cho sự phát triển của mình với tư cách là một khoa học lại có tính độc lập so với khoa học tự nhiên và công nghệ. Mặc dù hiện nay do sự phát triển của các ngành khoa học, nhu cầu giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội theo xu thế liên ngành khoa học là một tất yếu, nhưng tính độc lập của nó vẫn phải tôn trọng. Do vậy, trong sự phát triển chung, khoa học xã hội và nhân văn phải được phát triển một cách hài hòa trong môi trường tương quan với các lĩnh vực khoa học khác để hợp thành nền khoa học Việt Nam, tạo nên sức mạnh vật chất, có khả năng làm chỗ dựa vững chắc cho việc giải

quyết hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược để phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cũng từ nhận thức này, cần xác định mối liên hệ mật thiết giữa khoa học xã hội và nhân văn với chính trị. Bản thân các nhà khoa học xã hội và nhân văn không ai phủ nhận mối liên hệ mật thiết giữa khoa học xã hội và nhân văn với chính trị. Nhưng không nên đồng nhất giản đơn giữa khoa học xã hội và nhân văn với chính trị. Khi nói đến khoa học là nói đến tôn trọng thực tế khách quan, tôn trọng những quy luật, tôn trọng chân lý. Do vậy, một khi đồng nhất giản đơn giữa khoa học xã hội và nhân văn với chính trị sẽ khiến cho những sản phẩm làm ra mất đi tính khoa học của nó. Mặt khác, dân chủ trong nghiên cứu khoa học là một nội dung cần được quan tâm đúng mức, là điều kiện cho công tác nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả. Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong buổi nói chuyện tại Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), khi đề cập đến những điều kiện đảm bảo để khoa học xã hội và nhân văn đạt kết quả tốt, đã nhấn mạnh: “Trước hết, cần tạo ra bầu không khí dân chủ trong nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho các nhà khoa học phát huy sáng tạo khoa học cống hiến cho dân ta, cho đất nước, cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, cho nền khoa học nước nhà bằng tài năng, trí tuệ, bằng những công trình, những tác phẩm khoa học có giá trị của mình. Lịch sử phát triển khoa học chỉ ra rằng chân lý nảy sinh trong các cuộc thảo luận và tranh luận khoa học, được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Đảng ta ủng hộ con đường phát triển như thế của các bộ

môn khoa học xã hội và nhân văn và tạo điều kiện để các nhà khoa học hoàn thành tốt nhiệm vụ cao cả của mình". Dân chủ, tự do trong học thuật nghiên cứu, tranh luận khoa học bị hạn chế sẽ làm giảm đi khả năng sáng tạo của các nhà khoa học xã hội và nhân văn.

*Thứ hai, về xây dựng đội ngũ*

Nói đến đội ngũ là nói đến con người. Trong hoạt động khoa học, yếu tố con người rất quan trọng, nó lại càng quan trọng hơn đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Do trong một khoảng thời gian dài chúng ta thực hiện khá chặt chẽ chế độ tuyển dụng (hạn chế biên chế), do tác động của cơ chế thị trường, làm cho những sinh viên giỏi không muốn làm việc tại trường hay ở các cơ quan nghiên cứu, dẫn đến tình hình "lão hóa" trong đội ngũ cán bộ giảng dạy ở các trường học cũng như ở các cơ quan nghiên cứu (chủ yếu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn). Mặt khác, chúng ta cũng không có chính sách khuyến khích đãi ngộ đúng mức đối với các nhà khoa học, nên không tạo ra sức hút giữ lại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học những cán bộ có năng lực chuyên môn, dẫn đến hiện tượng chảy "chất xám" từ các cơ quan nhà nước ra các công ty tư nhân, nhiều khi chỉ thuần túy làm thuê cho các công ty nước ngoài. Đội ngũ cán bộ có trình độ cao đã ít lại lớn tuổi, lực lượng cán bộ trẻ chưa đủ thay thế, làm hụt hẫng, ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế của đất nước. Có một thực tế là trong những năm qua, Nhà nước đã đầu tư khá nhiều cho ngành giáo dục (kinh phí tăng dần hàng năm, chương trình đào tạo cử nhân tài năng, chương trình 322...) nhưng lại chưa có những quy chế chế định

những người được thụ hưởng các chương trình đó phải chịu sự phân công của Nhà nước khi có yêu cầu (thí dụ như chương trình miễn học phí cho sinh viên học tại các trường đại học sư phạm nhưng rất ít sinh viên tình nguyện đến vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi – những nơi rất cần giáo viên). Những người được thụ hưởng các chương trình này, nếu không chấp nhận sự phân công thì bản thân họ hay đơn vị sử dụng họ phải bồi hoàn kinh phí đào tạo. Các cơ quan chức năng cần nắm và quản lý lực lượng sinh viên hệ tài năng, đi học theo chương trình 322, có tài năng, tốt nghiệp xuất sắc, coi đây là nguồn lực cốt cán bổ sung cho đội ngũ cán bộ giảng dạy ở các trường và ở các viện nghiên cứu. Đồng thời có kế hoạch đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ để đẩy nhanh việc hình thành đội ngũ chuyên gia, cán bộ đầu ngành của các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Đối với những nơi khó khăn về lực lượng cán bộ thay thế, cần được ưu tiên giữ lại những sinh viên xuất sắc, có chế độ ưu tiên trong đào tạo, được hưởng chế độ ưu đãi. Đối với cán bộ đầu ngành, tuy lớn tuổi nhưng khả năng làm việc vẫn còn, thì nên tạo điều kiện cho họ cống hiến. Thực tế hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có tính đặc thù so với các ngành khoa học khác. Người hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phải trải qua thời kỳ tích lũy (qua sách vở, nhất là qua cuộc sống thực tiễn) mới có thể phát huy được năng lực của mình. Cho nên những cán bộ hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, liệu có thể chỉ nghỉ quản lý mà không nghỉ hưu? Mặt khác, chúng ta có một nguồn lực rất lớn là Việt kiều đang sinh sống ở nước ngoài hoạt

động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Những năm qua các nhà khoa học là Việt kiều đã tham gia một số hoạt động liên quan đến khoa học xã hội và nhân văn, nhưng không nhiều. Trong bối cảnh hiện nay, cần một cơ chế để có thể huy động đội ngũ các nhà khoa học này tham gia nghiên cứu và giảng dạy tại Việt Nam.

*Thứ ba, về xây dựng cơ chế gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học*

Trong tình hình hiện nay, khi các trường đại học và các viện nghiên cứu có chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu khác nhau, nên về phương diện quản lý nhà nước cũng khác nhau, dẫn đến việc hợp tác trong nghiên cứu, trong giảng dạy thiếu mối quan hệ với nhau, làm hạn chế đến những kết quả nghiên cứu cũng như ứng dụng. Vì vậy, muốn xây dựng đại học định hướng nghiên cứu phải xuất phát từ tình hình cụ thể của mỗi trường đại học và như thế khó có thể có một mô hình chung. Theo đó, “khoa học xã hội và nhân văn phải tập trung nghiên cứu, khai thác giá trị của nền văn hiến Việt Nam những giá trị lịch sử, văn hóa, văn minh của tổ tiên, ông cha, vì đó là những giá trị bền vững, độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện sức mạnh trường tồn của dân tộc được hun đúc từ mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, chiến thắng thiên tai, địch họa, dựng nên giang sơn gấm vóc ngày nay. Đó là những di sản văn hóa, tinh thần vô giá mà các thế hệ hôm nay và mai sau phải kế thừa, phát triển” (Đỗ Mười). Cùng với việc nghiên cứu những giá trị văn hóa truyền thống, cần quan tâm đến những vấn đề đương đại như vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong tiến trình công nghiệp hóa đất nước cũng như các vấn đề khác như vấn đề đô thị hóa, vấn đề phát triển vùng nhất

là vùng sâu, vùng xa, vùng cư trú của các tộc người thiểu số. Bên cạnh hướng nghiên cứu cơ bản thì việc nghiên cứu ứng dụng cũng cần được quan tâm. Khoa học xã hội và nhân văn, bằng các kết quả nghiên cứu của mình, có thể đóng góp trực tiếp vào việc hoạch định các chính sách đối với các giai tầng trong xã hội đang có chiều hướng gia tăng trong xã hội công nghiệp và những chính sách khác. Cùng với việc góp phần nghiên cứu những vấn đề trong nước, cũng cần tập trung nghiên cứu những vấn đề khu vực và thế giới, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Để có những đóng góp cho các nội dung trên cần đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong trường đại học. Xây dựng đại học định hướng nghiên cứu trong bối cảnh hiện nay là hướng tới mục tiêu đó. Muốn vậy phải sớm hình thành những đơn vị (trung tâm nghiên cứu trực thuộc trường) có chức năng nghiên cứu trong trường, để đến khi hội đủ các điều kiện tiến tới hình thành viện nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Các trung tâm nghiên cứu này tùy thuộc vào mục tiêu mà quy mô, hình thức có thể khác nhau. Cần có sự hài hòa giữa nghiên cứu và giảng dạy. Mỗi giáo viên, nhất là những giáo viên có trình độ từ tiến sỹ trở lên, phải giành bao nhiêu thời gian cho nghiên cứu khoa học mỗi năm. Mặt khác, cần có chế độ đãi ngộ những cán bộ vừa làm tốt công tác giảng dạy, vừa làm tốt công tác nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở định hướng chung của nhà trường và năng lực của đội ngũ hình thành những nhóm nghiên cứu mạnh.

*Thứ tư, những vấn đề có liên quan đến sự hợp tác trong nghiên cứu và giảng dạy*

Hiện nay, “cơ cấu và phân bố cán bộ khoa học và công nghệ chưa cân đối, còn nhiều bất hợp lý. Nông thôn, miền núi

còn thiếu cán bộ khoa học và công nghệ... Hệ thống tổ chức các cơ quan nghiên cứu – triển khai tuy đã sắp xếp một bước, nhưng còn trùng lặp, chưa đồng bộ, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu và giảng dạy với thực tiễn sản xuất kinh doanh và với quốc phòng – an ninh, giữa các ngành khoa học, giữa khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Tinh thần hợp tác giữa các nhà khoa học, giữa các cơ quan khoa học còn yếu”. Đây là ý kiến phát biểu của Nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cách nay hàng chục năm, nhưng vẫn còn đó những giá trị thời sự với thực tiễn hiện nay. Trong hoạt động của các đơn vị nghiên cứu và đào tạo, một khi đã hình thành một tổ chức thì cũng là lúc hình thành đường biên giới “vô hình” ngăn cách, hạn chế đến sự hợp tác, huy động nguồn lực để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể nào đó. Tình hình này không chỉ xảy ra ngoài trường đại học hay một viện nghiên cứu, mà ngay trong một đơn vị cũng đã thấy những biểu hiện đó. Để khắc phục tình hình phân ly và tình trạng hụt hẫng cán bộ, các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học cần mở rộng sự hợp tác. Sự hợp tác này có thể là sự trao đổi thông tin, tham gia hội thảo, hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và cao hơn nữa là sự hợp tác trong việc cùng tham gia xây dựng các dự án lớn với sự tham gia đồng đẳng cán bộ của các bên tham gia. Mở rộng sự hợp tác, chúng ta có điều kiện học hỏi kinh nghiệm và tự đánh giá mình để làm tốt hơn. Một thực tế đặt ra cho chúng ta là quá trình toàn cầu hóa, muốn hội nhập vào sự phát triển chung,

chúng ta cũng phải đóng góp vào giải quyết những vấn đề khu vực (như vấn đề xung đột tộc người, tôn giáo, vấn đề an ninh lương thực, an sinh con người, quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc trong bối cảnh hiện nay...). Khi đó hợp tác quốc tế là một yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển của các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Mở rộng hợp tác với các trường, viện ở nước ngoài thông qua các nhà khoa học là Việt kiều. Các nhà khoa học là Việt kiều đã có vị trí tại các đại học bằng khả năng và uy tín của mình sẽ góp sức vào việc hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu, giúp cho công cuộc đổi mới giáo dục đạt hiệu quả hơn, theo chuẩn các đại học hàng đầu thế giới và khu vực.

Tuy nhiên, xây dựng đại học định hướng nghiên cứu, nhất là các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong bối cảnh hiện nay là không đơn giản. Mô hình đại học nghiên cứu trên thế giới khá nhiều nhưng không có một mô hình chung mà “trăm hoa đua nở”. Đây thực sự là một vấn đề cần nhìn nhận một cách khách quan và khoa học. Như vậy có thể thấy xây dựng đại học định hướng nghiên cứu thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn từ ý tưởng đến hiện thực quả là một chặng đường dài. Nếu không có giải pháp hữu hiệu hay một khi không có những thay đổi căn bản về nhận thức thì khó lòng xây dựng đại học định hướng nghiên cứu như mong muốn. Chúng tôi cho rằng việc xây dựng các đại học nghiên cứu (theo đúng tiêu chí và chuẩn mực quốc tế) sẽ góp phần vào đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

**SOME COMMENTS ON THE CONSTRUCTION OF RESEARCH  
ORIENTED UNIVERSITIES OF THE SECTORS OF SOCIAL SCIENCES  
AND HUMANITIES**

**Ngo Van Le**

*University of Social Sciences and Humanities  
Vietnam National University Ho Chi Minh City*

**ABSTRACT**

*The university education in Vietnam strives to innovate basically and comprehensively towards universities with high levers in comparison with international universities and the regions. One of the goals is to build research-oriented universities. Our article presents some ideas related to building research universities in the fields of social sciences and humanities; along with the construction of compatible training programs. We do not mention the concept and criteria of research-oriented universities in the fields of social sciences and humanities. We just raise a number of issues in order to build a model of true research-oriented universities, contributing to innovate basically and comprehensively higher education in Vietnam.*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Đại học Quốc gia TP.HCM, *Khoa học Xã hội thời hội nhập*, Kỷ yếu Hội thảo, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP.HCM), 2012.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần 3*, NXB Sự Thật, 1960.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn Kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, NXB Chính trị Quốc gia, 2010.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, 2011.
- [5] Ngô Văn Lệ, “*Khoa học xã hội hội nhập và phát triển – một số vấn đề đặt ra*”, trong sách *Khoa học xã hội và văn hóa tộc người – hội nhập và phát triển*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2012.